

Jean-Philippe PERREAULT*
Martin VAILLANCOURT**

CHỦ NGHĨA SỐ HÓA: MỘT ĐỐI TƯỢNG CỦA TÔN GIÁO? ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ CÁC HỌC THUYẾT ĐÁNG CHÚ Ý***

Tóm tắt: Hầu hết các nghiên cứu về mối quan hệ giữa kỹ thuật số và tôn giáo có thể được gói gọn trong chủ đề “Tôn giáo kỹ thuật số” (Digital Religion). Đây là một hiện tượng dường như có quy tắc khác biệt nhưng không quá xa lạ đối với chúng ta. Điều chúng ta đang đối mặt không phải là tôn giáo số hóa mà là công cuộc tìm kiếm ý nghĩa của kỹ thuật số. Một số học giả đã mô tả tính tôn giáo kỹ thuật số (religiosité technologique) khi cho rằng, nó được dùng để hợp pháp hóa niềm tin vào một xã hội mới. Do vậy, nghiên cứu về số hóa sẽ dựa trên sự thần thánh hóa một tập hợp các giá trị công nghệ. Trong đó, Internet vừa là công cụ phổ biến, vừa là đối tượng chính, tượng trưng cho những giá trị này. Khi chúng ta nhận ra rằng tôn giáo có mối liên hệ đến chính xã hội của chúng ta, chúng ta có thể tự hỏi rằng, khi cuộc cách mạng kỹ thuật số tạo ra một hình thái xã hội mới, liệu nó có bao gồm cả khía cạnh tôn giáo hay không.

Từ khóa: Tôn giáo giả tưởng, kỹ thuật số, chủ nghĩa số hóa, tái cấu trúc tôn giáo, tôn giáo công nghệ

Vào ngày 7/6/2011, Diễn đàn Dân chủ Cá nhân (Personal Democracy Forum) lần thứ tư đã được tổ chức tại New York. Đây là hội nghị toàn cầu bàn về tác động của phát triển công nghệ. Xuất hiện

* Phó giáo sư tại Khoa Thần học và Nghiên cứu Tôn giáo tại Đại học Laval và giữ chức vụ Chủ tịch Hội Thanh niên và Tôn giáo, Đại học Laval, Canada.

** Học viên Thạc sĩ về Khoa học tôn giáo tại Khoa Thần học và Tôn giáo học của Đại học Laval.

*** Bài viết với nhan đề: *Le numérisme: Un objet religieux? Problématisation et notes théoriques*. Đăng trên tạp chí Xã hội học Tôn giáo *Social Compass*, 2020, Vol. 67 (4) 519-533.

Ngày nhận bài: 23/12/2023; Ngày biên tập: 1/1/2024; Duyệt đăng: 20/6/2024.

trên sân khấu là Jim Gilliam, một lập trình viên 24 tuổi nổi tiếng trong giới phát triển mạng Internet. Anh đã chuẩn bị một bài phát biểu gây chấn động cộng đồng kỹ thuật số: “Bất kỳ phong trào nào muốn thành công cũng dựa trên ba yếu tố: câu chuyện, công cụ và đức tin. Điều tôi muốn nói với các bạn đó là đức tin. Tôi đấu tranh cho đức tin. Khi lớn lên, tôi có hai tình yêu của đời mình: Chúa Giê-su và Internet.” [Diễn đàn Dân chủ Cá nhân, 2011]. Nghe xong, mọi người đều cười ồ lên. Tuy nhiên, chỉ mười phút sau, tất cả lại im lặng đến kỳ lạ. Khi câu chuyện sắp kết thúc, giọng nói của Gilliam tràn đầy cảm xúc với thái độ suy ngẫm sâu sắc, anh đồng dục:

Chúng ta đều kết nối với nhau. Tất cả chúng ta đều có duyên nợ với nhau. Internet trao cho ta cơ hội được trả một phần nhỏ của duyên nợ này. Hồi nhỏ, tôi đã tin vào thuyết sáng thế rằng vũ trụ đã được tạo ra trong vòng sáu ngày. Ngày nay, chúng ta chính là những người sáng tạo. [...] Ngay bây giờ, ngay tại căn phòng này, mọi người đang tạo ra linh hồn. Điều này có ý nghĩa sâu sắc. Chúng ta là thủ lĩnh của tôn giáo mới này. Chúng ta có niềm tin rằng con người khi được kết nối có khả năng tạo ra một thế giới mới. Mỗi chúng ta là một người sáng tạo, nhưng cùng với nhau chúng ta là Đấng tạo hóa [Diễn đàn dân chủ cá nhân, 2011].

Jim Gilliam giơ cánh tay trong không trung, ngón tay hướng lên trần của phòng hội nghị, đầu cúi xuống đất. Tất cả đều đứng lên vỗ tay khi anh ấy nói lời cuối cùng: “Hôm nay, tôi đặt niềm tin vào chính con người (những con người đã kết nối với nhau). Tôi tin vào Chúa và mạng Internet chính là tôn giáo của tôi [Diễn đàn Dân chủ Cá nhân, 2011].

Câu chuyện của Gilliam sẽ vẫn còn trong những ghi chép về những giai thoại, thậm chí bị coi thường vì nó không gây tiếng vang trong các diễn văn và sự kiện khác. Giống như trường hợp của nhà văn người Thụy Điển Alexander Bard với “chủ nghĩa tổng hợp” của mình, được xem như một hệ tư tưởng kỹ thuật số, vừa mang tính tôn giáo và vừa siêu thực: “[...] trái với ý kiến cho rằng Thiên Chúa đã tạo ra loài người, tôn giáo mà thế hệ Internet đã lựa chọn đó là có thể tạo ra Chúa” [TEDx Talks, 2013]. Vượt ra ngoài sự so sánh đối lập giữa chủ nghĩa hữu thần và chủ nghĩa vô thần, thuyết tổng hợp sẽ đáp ứng nhu cầu tâm linh của thời đại hậu Kitô giáo. Nền văn hóa có sự tham gia và đồng sáng tạo sẽ là chỉ báo của đức tin siêu hình học mới này.

Những sự đề cập về tôn giáo tương tự cũng xuất hiện trong phát ngôn của các nhân vật nổi tiếng trong giới kỹ thuật số. Khi tuyên bố sẽ thay đổi sứ mệnh của tập đoàn sau vụ bê bối rò rỉ dữ liệu mật vào năm 2017, Mark Zuckerberg lập luận rằng, giờ đây Facebook không chỉ có sứ mệnh làm cầu nối mà còn sẽ đưa thế giới xích lại gần nhau hơn. Sứ mệnh này được thực hiện từ việc thành lập các cộng đồng kỹ thuật số với những nguồn tài nguyên vượt trội:

Chúng tôi xây dựng cộng đồng mang cho mọi người cảm giác thuộc về một nơi nào đó, cảm giác được đóng góp vào một điều gì đó lớn lao, cảm thấy rằng chúng ta không đơn độc và luôn có những thứ tốt đẹp đáng để quan tâm [...] Chúng tôi muốn giúp mọi người tham gia vào các cộng đồng có ý nghĩa với họ [Zuckerberg, 2017]. Zuckerberg đã chỉ ra những nét tương đồng rõ ràng với tôn giáo khi khẳng định rằng các cộng đồng kỹ thuật số hoạt động giống như các nhà thờ và các quản trị viên của họ cũng có vai trò như là mục sư. (Zuckerberg, 2017). Tuyên bố này của Zuckerberg khiến một số phương tiện truyền thông kết luận rằng Facebook đang cố gắng lấp đầy khoảng trống do sự suy tàn của các tôn giáo tạo ra [Shinal, 2017].

Chắc chắn rằng sự đề cập về tôn giáo trong các bài phát biểu trên chưa phải là cơ sở thực nghiệm đủ vững vàng để có thể đi đến các kết luận đáng tin cậy về “Tôn giáo Internet” (religion Internet). Chúng tôi đề cập đến phát biểu đó vì những quan điểm về tôn giáo cho thấy một khía cạnh về mối quan hệ giữa tôn giáo và kỹ thuật số - điều đang đặt ra vấn đề cho ngành khoa học xã hội về tôn giáo.

Nếu các tôn giáo thật sự đầu tư vào các công cụ kỹ thuật số và nếu các thực hành tôn giáo diễn ra trực tuyến, thì những điều Gilliam, Bard và Zuckerberg đã nói với chúng ta sẽ có một bản chất hoàn toàn khác. Chúng tôi đề xuất gọi tên khía cạnh tôn giáo của kỹ thuật số theo một cách cơ bản và chính xác là *Chủ nghĩa số hóa* (numérisme), chứ không phải là tôn giáo được số hóa. Mục đích nghiên cứu của chúng tôi là giải quyết vấn đề trên về chủ nghĩa số hóa, xem xét lại đặc điểm tôn giáo của chủ nghĩa này và xác định mức độ liên quan của nghiên cứu trong khoa học xã hội về tôn giáo.

Từ tôn giáo số hóa đến Chủ nghĩa số hóa: những vấn đề, câu hỏi đặt ra, phương pháp

Nhìn chung, các nghiên cứu khác nhau về mối quan hệ giữa thế giới kỹ thuật số và tôn giáo có thể gói gọn trong chủ đề *Tôn giáo kỹ*

thuật số (Digital Religion). Điểm chung của các nghiên cứu này là tìm hiểu những đặc điểm chung và riêng của một trải nghiệm tôn giáo mới lạ, có được nhờ vào sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số, cả ở trên khía cạnh cá nhân và tập thể [Campbell, 2016]. Tôn giáo kỹ thuật số được hiểu chung là một hình thức ứng dụng công nghệ số trong truyền thông vào mục đích giáo dục đức tin và đồng hành với đời sống tôn giáo; đôi khi vào mục đích biện giải hoặc nhập đạo. Chúng ta đang nghĩ đến việc thực hiện những lời cầu nguyện, nghi lễ, tín điều, kể chuyện qua trực tuyến, cũng như cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có tính chất tôn giáo bằng hình thức trực tuyến.

Do đó, các cuộc khảo sát về tôn giáo kỹ thuật số (religion numérique) quan tâm đến việc phổ cập khái niệm kỹ thuật số của tôn giáo (numérique du religieux). Ví dụ như, vào đầu những năm 2000, khi hiện tượng này vẫn còn tương đối mới mẻ, Olivier Roy đã đề cập đến mối quan hệ giữa kỹ thuật số với Islam giáo (Roy, 2000). Một thập kỷ sau, Gary R. Bunt đã lật lại vấn đề này (Bunt, 2009). Còn với Heidi Campbell, bà lại quan tâm tới mối quan hệ nghịch lý giữa truyền thống thời xưa và cuộc “Cách mạng kỹ thuật số” (révolution numérique) đến Do Thái giáo đương đại [Campbell, 2010]. Bà cũng khám phá ra một viễn cảnh về một “cộng đồng Islam kỹ thuật số” thực hành “Islam giáo trực tuyến”. Một trong những đóng góp từ công trình sáng tạo của bà là hướng sự chú ý dành cho bản sắc qua câu chuyện mà cộng đồng trực tuyến tạo ra. Robert Glenn Howard sẽ kiên trì theo đuổi kết luận của mình từ việc nghiên cứu trường hợp rất cụ thể về kỹ thuật số được sử dụng trong thực tiễn của một cộng đồng Cơ đốc giáo theo trào lưu chính thống với “nhà thờ ảo” (virtual ekklesia) tạo nên “thân thể ảo của Chúa Kitô” (corps virtual du Christ) [Howard, 2011]. Các nhà nghiên cứu khác [Mayer, 2008; Jonveaux, 2013; Douyère, 2015] khi nghiên cứu sâu về vấn đề này, coi công nghệ kỹ thuật số là yếu tố chính trong chuyển đổi mối quan hệ giữa tín đồ và cộng đồng tôn giáo sang tri thức về tôn giáo (theo mức độ lan tỏa, sự thấu hiểu và khả năng tiếp cận tôn giáo ...). Trong cộng đồng Pháp ngữ, tác phẩm *Tôn giáo trên Internet/ Le religieux sur Internet* [Duteil-Ogata và cộng sự, 2015] là sự tổng hợp của các công trình nghiên cứu. Tóm lại, nghiên cứu về “tôn giáo số hóa” là một phần của một công trình nghiên cứu lớn, nhằm xác định các tác động đa chiều của cách mạng kỹ thuật số đối với xã hội đương đại. Trong lĩnh vực tôn giáo, những yếu tố bên trong và

bên ngoài của một quá trình tiến hóa khi diễn ra sẽ tương đối giống với những điều gây ảnh hưởng đến các lĩnh vực và khía cạnh khác của đời sống chung: nghệ thuật, kinh tế, truyền thông, mối quan hệ con người, giáo dục, chính trị, v.v. Chúng tôi hiểu sự phong phú, sự hiệu quả và sự cần thiết của các công trình nghiên cứu này.

Cùng với các nghiên cứu này, chúng tôi cũng tìm thấy loại khảo sát thứ hai được phân biệt rõ nhờ cách đặt câu hỏi hơn nhờ phương pháp tiếp cận: chúng tôi tìm hiểu không chỉ cách các tôn giáo có tổ chức phản ứng với công nghệ kỹ thuật số, mà để hiểu cách một khía cạnh tôn giáo được nằm trong đời sống kỹ thuật số; hoặc ít nhất, các phương pháp tiếp cận được phát triển từ các nghiên cứu tôn giáo giúp chúng ta có thể nắm bắt và hiểu rõ hơn về nó. Để minh họa, chúng tôi sẽ đưa vào báo cáo này các nghiên cứu về thuyết mật thể về khoa học công nghệ và thuyết hậu nhân loại (eschatologies technoscientifiques et posthumanistes) [Geraci, 2016; Servais, 2017; Liogier, 2017], các nghiên cứu về robot hóa và trí tuệ nhân tạo [Kimura, 2017] hoặc cả những nghiên cứu phổ quát hơn và xuyên suốt hơn về tôn giáo kỹ thuật số [Noble, 1999; Musso, 2006; Musso, 2010; Doueihy, 2011; Helland, 2015].

Chính từ góc độ thứ hai này, chúng tôi hệ thống lại những gì đã tìm kiếm. Từ đó, vấn đề nghiên cứu của chúng tôi là đã nhân lên gấp đôi. Một mặt, chúng tôi tự vấn về bản chất của khía cạnh tôn giáo trong đời sống kỹ thuật số: nó thực sự là một tôn giáo hay tương tự tôn giáo? Nó có tính tôn giáo hay là tôn giáo? Nó được tạo dựng như thế nào? Đây là những thách thức với nhận thức luận?

Mặt khác, chúng tôi phải lật lại câu hỏi. Vấn đề không còn là liệu đối tượng kỹ thuật số có phải là tôn giáo, mà thay vào đó, các đối tượng đó minh chứng cho sự tái tạo tôn giáo nào?

Để tìm ra câu trả lời, chúng tôi tập trung vào một cách tiếp cận lý thuyết cơ bản ở giai đoạn này trong nghiên cứu của chúng tôi. Bổ sung cho phần thực nghiệm [Gohier, 2008], nghiên cứu lý thuyết tạo ra “các phát biểu lý thuyết này đề xuất các phát biểu lý thuyết khác và ngược lại” [Van der Maren, 1995: 53]. Lập luận của nghiên cứu lý thuyết không dựa trên dữ liệu thu thập thông qua quan sát và phỏng vấn, mà dựa trên các bài phát biểu, công trình xây dựng, những tiến bộ lý thuyết. Cả nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết đều dựa vào khả

năng quan sát của nhà nghiên cứu, đặc biệt, cả nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết đều phải dựa vào khả năng quan sát của nhà nghiên cứu, hòa mình vào đối tượng nghiên cứu, thu thập càng nhiều dữ liệu càng tốt, tạo ra góc nhìn khách quan và công bố những khám phá mới của họ. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của nhà nghiên cứu lý thuyết “không phải trong một nhóm đối tượng, mà họ phải tiếp cận với các tài liệu chuyên môn [...] trước khi có một ý tưởng rõ ràng về vấn đề mà họ đang quan tâm” [Martineau và cộng sự, 2001: 8].

Ở đây, chúng tôi áp dụng phương pháp dựa trên ba trục kết hợp cùng nhau không theo trình tự: 1) diễn giải/ phân tích; 2) tranh luận/thảo luận; 3) tường thuật/báo cáo [Martineau và cộng sự, 2001]. Nếu coi việc diễn giải là thông diễn học nói chung, các trang tới đây về cơ bản sẽ thực hiện diễn giải bằng cách phân tích khái niệm, cho phép chúng ta đi từ khái niệm này sang khái niệm khác, phân tích chúng, thiết lập các mối liên hệ và xác định các cách thức diễn giải. Dựa trên cách phân tích khái niệm này, chúng tôi có thể thảo luận các câu hỏi nghiên cứu từ các góc độ và khía cạnh khác nhau. Cuối cùng, hai trục còn lại chỉ được thực hiện khi viết báo cáo này, hay chính là sự chiêm nghiệm và nghiên cứu. Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, chúng tôi đề xuất sử dụng “chủ nghĩa số hóa” (numérisme) làm khái niệm mở đầu. Chúng tôi sẽ thảo luận về khái niệm này khi so sánh với các khái niệm và yếu tố khác trong tài liệu, đưa nó vào phả hệ trong mối quan hệ giữa tôn giáo và công nghệ.

Chủ nghĩa số hóa

Đối với chúng tôi, Hervé Fischer - một nhà Xã hội học và nhà Triết học tận tâm - dường như là người đầu tiên cố gắng đưa ra định nghĩa về “chủ nghĩa số hóa”. Phân tích của ông dựa trên những gì ông nhận thức được, đó là quá trình số hóa không thể tránh khỏi đối với tất cả các mối quan hệ nhận thức luận của loài người với “hiện thực” và tác động của nó tới quan hệ xã hội. Trong quá trình nhận thức về điều này, Fischer đã dừng lại để làm sáng tỏ rằng những nền tảng về thần thoại vĩ đại sẽ bị đe dọa bởi một hệ tư tưởng “số hóa triệt để”. Khung lý thuyết của Fischer nỗ lực tìm cách đặt trong mối tương quan một số đặc điểm chung rút từ các quan niệm về xã hội thông tin, xã hội tiêu dùng và cuộc cách mạng kỹ thuật số. Cú sốc kỹ thuật số sẽ gây ra “sự phá hủy tính kiên định các quan niệm truyền thống” và tạo điều kiện

cho việc thiết lập “các hệ tư tưởng thống trị đối với xã hội về thông tin và tri thức, các khái niệm mới về kinh tế” [Fischer, 2001: 9] trong trí tưởng tượng của con người. Chính sự phát triển tiếp theo trong mối quan hệ đặt ra giữa “sự phá hủy tính kiên định các quan niệm truyền thống”, “trí tưởng tượng của con người” và “cuộc cách mạng kỹ thuật số” khiến Fischer đưa ra định nghĩa về *chủ nghĩa số hóa*: là một “[...] trạng thái tinh thần gần như tâm linh [...] bắt nguồn từ sự sùng bái công nghệ kỹ thuật số/une attitude mentale quasi spirituelle... qui est une dérive du culte des technologies numériques” [Fischer, 2014: 108].

Tôn giáo kỹ thuật số mà chúng ta gọi là chủ nghĩa số hóa, đã kích hoạt các trạng thái tâm linh, các nghi thức, những kỳ vọng vượt ra ngoài vật chất và sự sống. Nguyên nhân là do tính phi vật chất của kỹ thuật số: thế giới ảo tạo ra môi trường không có thực, một thế giới khác thuần khiết hơn, thông thái hơn, gần như là sự vượt bậc của trí tuệ, thậm chí cả linh hồn [Fischer, 2014: 162].

Câu chuyện giả tưởng về kỹ thuật số sẽ hoàn thành vai trò chức năng luận của các thần thoại, đó là giúp các cá nhân hợp tác với nhau tốt hơn nhờ có một niềm tin chung vào một quy tắc cụ thể trong tưởng tượng. Fischer biến câu chuyện giả tưởng về kỹ thuật số trở thành một hệ tư tưởng thống trị, dùng nó với mục đích tạo dựng sự trình diễn ảo mới của một thế giới hoạt động dựa vào một “ý tưởng mới của nền kinh tế”. Fischer đưa ra lời phê bình rất dứt khoát: viễn cảnh giả tưởng về kỹ thuật số được nuôi dưỡng bằng một công nghệ không tưởng có thể gây nguy hiểm cho sự tồn tại của tư duy phê phán và chủ nghĩa duy lý hiện đại. Theo Fischer, viễn cảnh trên và sự sùng bái công nghệ gắn chủ nghĩa số hóa với một hiện tượng siêu cá nhân- với chức năng chính là đảm bảo sự gắn kết giữa các mối quan hệ xã hội theo kiểu kỹ thuật số, từ đó hình thành đặc tính tôn giáo nổi bật của nó.

Không chỉ có Fischer mới đặt ra câu hỏi về chủ nghĩa số hóa với những thuật ngữ này. Một số tác giả khác đã cố gắng nắm bắt các khía cạnh tổng quát về tính tôn giáo của kỹ thuật số [Finkelkraut và Soriano, 2001; Breton, 2000; Doueihi, 2011; Doueihi, 2013], để hợp pháp hóa sự tồn tại của một “xã hội mới” [Breton, 2000]. Nền tảng của chủ nghĩa số hóa sẽ dựa trên cái ta gọi là sự thần thánh hóa một tập hợp các “giá trị công nghệ” trong bối cảnh hậu hiện đại. Và trong đó, mạng Internet sẽ vừa là công cụ phổ biến vừa là đối tượng tượng

trung chính cho các giá trị này [Breton, 2000; Fischer, 2014; Doueihi, 2011; Doueihi, 2013; Finkelkraut và Soriano, 2001]. Mặc dù trong số những tác phẩm này, một số tác giả như Fischer đã công khai thể hiện thái độ chuẩn mực và phê phán công nghệ mà chúng tôi sẽ không có, tuy nhiên, những mô tả và diễn giải được đưa ra đã giúp chúng tôi suy nghĩ về hiện tượng này.

Nếu đối với Fischer, chủ nghĩa số hóa được hiểu là sự quay trở lại của một hình thức tôn giáo gắn với siêu thực (*un retour à une forme d'utopie religieuse aliénante*), thì Michel Maffesoli lại thấy trong đó là sự tái sinh cộng đồng lý tưởng thời tiền hiện đại: một hiện tượng đang diễn tiến thời hậu hiện đại. Trong một cuộc thảo luận với Fischer, Maffesoli viết:

Chúng tôi chưa thể đưa ra thêm nhiều thông tin hơn, nhưng về cơ bản những gì diễn ra trên Internet đều là những mối quan tâm liên quan đến các vấn đề triết học, tôn giáo, tình dục, tất cả đều là vấn đề “xưa cũ” (tức là những thứ rất nguyên thủy và căn bản). Đây là sự trở lại đáng được quan tâm, cụ thể hơn là nó chú trọng vào một “cộng đồng lý tưởng” không thể phủ nhận được [...] Từ đó, tôi đã đề xuất định nghĩa của mình về hậu hiện đại: “Sức mạnh tổng hợp giữa những điều xưa cũ (*archaïque*) và sự phát triển của công nghệ” [Fischer và Maffesoli, 2016: 25].

Lời giải thích của Maffesoli dường như gắn vấn đề tìm kiếm ý nghĩa của kỹ thuật số (*la quête de sens numérique*) với một biểu hiện hậu hiện đại của tôn giáo đương đại điển hình, chỉ ra sự tồn tại một hình thái *tính tôn giáo của công nghệ* (*religiosité technologique*) sẽ góp phần vào việc tái thu hút mọi người. Vì vậy, chủ nghĩa số hóa về bản chất là một “quá trình tìm kiếm ý nghĩa của kỹ thuật số”- bắt nguồn từ “sự thần thánh hóa” các công nghệ trong truyền thông (*la “sacralisation” des technologies de communication*). Đối với những người ủng hộ chủ nghĩa số hóa, đây sẽ là một tình cảm tôn giáo mới (*religiosité nouvelle*) tái phô diễn đặc tính thiêng liêng với sự độc đáo, quyền tự chủ và tự do của cá nhân thông qua không gian kỹ thuật số. Hình thái mang tính nhân văn số mới lạ này có vai trò dẫn dắt sự phát triển các mạng viễn thông lớn đầu tiên trong những năm 1960 và 1970. Bằng cách này, nó sẽ mở ra một bước ngoặt vĩ đại về kỹ thuật số mang tính lịch sử-xã hội mà Fischer đã nhắc đến - điều đã xảy ra vài

thập kỷ sau đó với sự thiết lập bền vững các công cụ truyền thông kỹ thuật số lớn và sự xuất hiện của mạng lưới Internet công cộng- WEB vào giữa những năm 1990.

Từ đó, Philippe Breton đã tiến hành phân tích sâu hơn: “tính tôn giáo mới nhằm mục đích xây dựng một xã hội mới, thiết lập liên kết xã hội mới phần nào coi sự sùng bái với truyền thông làm mục đích tối hậu” (un culte rendu à la communication) [Breton, 2000: 48]. Ngay từ những năm 2000, ông đã đặt ra vấn đề với những thuật ngữ trên:

Tính tôn giáo mới này, sau cùng cũng mới chỉ được hình thành, giống với một tinh vân - không có tính đồng nhất. Nó phổ biến bởi vì tính tôn giáo này có khả năng lan tỏa, không chặt chẽ, không mang tính tập trung. [...]. Đối tượng nó tôn sùng là gì? Xuất phát điểm là sự chia sẻ về viễn cảnh (vision) (...) Viễn cảnh đó theo nghĩa là một thế giới lý tưởng có cùng hình thức, hành vi, thông tin, thông điệp, giao tiếp - một thế giới tạo thành từ các yếu tố luôn trong chuyển động, trao đổi và tương tác. Sự tôn sùng này hoàn toàn là tư tưởng về mối quan hệ. (...) Viễn cảnh mới này hứa hẹn tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn, một Jerusalem mới, hoàn toàn bằng ý thức, tinh thần, sự tiềm ẩn. Con người cũng trở nên tốt đẹp hơn, với tinh thần cởi mở, bởi vì, cá nhân được hòa vào một ý thức tập thể - nơi có thêm cả những máy móc thông minh. Internet tạo nên khát khao về thế giới phi bạo lực - vừa rất phương Đông lại vừa gây được tiếng vang mạnh mẽ ở trung tâm văn hóa Bắc Mỹ. Nhờ đó, Internet vẽ lên viễn cảnh không tưởng về một xã hội hòa bình [Breton, 2000: 7].

Manuel Castells đã kiểm nghiệm trực giác của Breton khi tập trung tìm hiểu một “thế giới mới phát triển” mà ông gọi nó là “chủ nghĩa thông tin” (informationnalisme) và liên hệ nó với sự xuất hiện một “cấu trúc xã hội mới” [Castells, 1998: 35]. Nhìn vào ảnh hưởng của nó trong phạm vi toàn cầu, cũng không phải là không hợp lý khi liên hệ “chủ nghĩa thông tin” này với chủ nghĩa số hóa đã định nghĩa trước đó. Trong cuốn *Khám phá cộng đồng tôn giáo trực tuyến/ Exploring religious community online* [Campbell, 2005], Heidi Campbell cũng gây tiếng vang về quan điểm với vấn đề mạng máy tính thần thánh (la question du cybersacré) mà bà gán cho nó chức năng ma thuật siêu phàm (une fonction éminement théurgique). Do đó, thông qua đặc tính siêu việt, thông qua nguồn gốc nhân văn và sự cải tiến công nghệ của

nó, chủ nghĩa số hóa sẽ mở ra một tập hợp các mối quan hệ mới với chính nó và với những thứ khác, với thế giới như một hình thức đặc biệt của sự siêu việt - nội tại (transcendence-immanence).

Các yếu tố trong phá hệ tôn giáo

Dù chủ nghĩa số hóa đồng nghĩa với một hiện thực mới - nếu không muốn nói là với một xã hội mới - được tạo ra nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin và sự thần thánh hóa chúng, từ xưa đến nay, nó vẫn nằm trong mối quan hệ giữa tôn giáo và công nghệ.

Trong cuốn sách *Tôn giáo Công nghệ: Thần tính của Con người và Tinh thần Phát minh/ The religion of technology: The divinity of man and the spirit of invention* (1999), David Noble đã lần theo phá hệ về mối liên hệ giữa tôn giáo và công nghệ. Vượt ra ngoài phương pháp tiếp cận xã hội-tôn giáo (socioreligieuse) với việc đề cập tiến trình thế tục hóa của thế giới phương Tây thông qua sự phát triển khoa học - kỹ thuật, Noble bác bỏ ý tưởng về việc rời bỏ hoàn toàn sự tưởng tượng của Do Thái - Cơ đốc giáo (imaginaire religieux judéo-chrétien) để ủng hộ một hệ tư tưởng phát triển hoàn toàn riêng biệt. Thay vào đó, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật bắt đầu vào thế kỷ XVI thường được cho là do tiến trình hình thành của một hệ tư tưởng duy lý khác biệt và tự chủ ở phương Tây, ông đưa ra giả thuyết rằng nó đã được khơi gợi từ sự đổi mới của truyền thống có từ xa xưa về sự chờ đợi tôn giáo. Trên thực tế, các khái niệm “thế tục hóa tôn giáo” (religieux sécularisé) và “công nghệ hiện đại” (technologie moderne) là hai mặt luôn đổi mới, nhưng gắn bó với nhau trong cùng một quá trình. Tự do lý trí và tìm kiếm sự siêu việt cùng bắt nguồn từ một viễn cảnh giả tưởng công nghệ-tôn giáo (imaginaire technoreligieux) được đổi mới bởi sự hiện đại hóa, nhưng lại có nguồn gốc từ xa xưa:

Từ hàng nghìn năm trước, công nghệ hiện đại đã có sức hấp dẫn trong tâm thức của người phương Tây, từ thời kỳ mà “nghệ thuật hữu ích” (les arts de l’utile) là trung tâm của công cuộc cứu rỗi thế giới của Cơ đốc giáo. Do vậy, các “công cụ trần thế” (moyens terrestres) được sử dụng với mục đích tìm kiếm sự cứu rỗi gắn với sự tồn tại của “một thế giới khác” và với sự hình thành tiếp theo của thuyết “thiên niên kỷ” (millenium). Từ đó trở đi, những hoạt động vật chất và nhân văn cao cả nhất được chú trọng nhiều hơn vì chúng mang ý nghĩa tâm linh, và

hơn thế, mang ý nghĩa siêu việt: đó là tìm lại thiên tính đã đánh mất của loài người [Noble, 1999: 6].

Sự phát triển của nghệ thuật phục vụ những ý nguyện tôn giáo, sự hăng hái của khoa học và văn hóa trong thời kỳ Phục hưng (Renaissance) cùng với tinh thần phản kháng được khơi dậy từ phong trào Cải cách (Réforme) sẽ nhanh chóng đưa toàn bộ viễn cảnh giả tưởng về công nghệ - tôn giáo của phương Tây vào những điều mà khoa học, kỹ thuật, lý trí, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa tư bản hứa hẹn mang đến. Đối với Noble, tiến trình lịch sử là một lời khẳng định của những người Cải cách (tín đồ Tin Lành - người dịch) về ý nguyện tôn giáo của Cơ đốc giáo nguyên sơ. Ý nguyện này dựa trên khả năng có một thế giới mới đó là thành quả của công cuộc cứu rỗi. Từ viễn cảnh giả tưởng trên David Pucheu đã đưa lời giải thích về những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại đã tìm cách thiết lập một “trật tự mới mang tính biểu tượng để vạch rõ ranh giới các lĩnh vực tri thức và các điều kiện tiềm năng của loài người lên lĩnh vực tôn giáo - xã hội” [Pucheu, 2009: 22]. Ở đó, Pucheu phát hiện ra ngành thần học về sự cứu thế (sotériologie) đang “xâm chiếm” “lĩnh vực dành riêng cho tôn giáo” [Pucheu, 2009: 22].

Nguồn gốc lịch sử của mối quan hệ giữa tôn giáo và công nghệ trong đó có chủ nghĩa số hóa sẽ là một trong những khái niệm hiện tại dẫn đến vấn đề sự giải mê và rời thu hút trở lại (désenchantement/réenchantement). Có thể thấy rõ, mối tương quan giữa hai vấn đề sau: Mệnh lệnh Cánh chung của Thanh giáo (impératif puritain eschatologique) tìm cách hoàn thiện xã hội nhờ vào công nghệ và sự siêu thực của kỹ thuật số đương đại nhằm vượt qua xã hội đang giải mê. Theo quan điểm của Weber, những triển vọng về công nghệ-tôn giáo của chủ nghĩa số hóa là câu trả lời cho sự vỡ mộng trên. Vì vậy, xã hội siêu thực mới về công nghệ - tôn giáo sẽ lấp đầy khoảng trống tâm linh và tôn giáo, bằng cách lật đổ chiếc “lòng sắt”. Dù đi ngược với mong đợi và học thuyết của Weber, công nghệ sẽ khiến mọi người say mê!

Luận bàn: Nghiên cứu chủ nghĩa số hóa trong khoa học xã hội về tôn giáo

Xin gợi nhớ lại những câu hỏi ta đặt ra ban đầu: “tính tôn giáo của kỹ thuật số” hay chủ nghĩa số hóa là gì và chủ nghĩa này cho thấy điều

gì trong việc tái tổ chức nền tôn giáo đương đại? Những câu hỏi có vẻ đơn giản nhưng cũng khiến chúng ta phải đối mặt với thách thức về khái niệm tôn giáo. Không có gì ngạc nhiên khi câu hỏi “chủ nghĩa số hóa có phải là một đối tượng tôn giáo không?” liên quan đến tôn giáo nhiều hơn là về lĩnh vực kỹ thuật số. Chúng tôi cần xây dựng một hệ thống khái niệm có khả năng xác định và giải thích đối tượng này. Dù dưới hình thức nào, đây cũng là một nhiệm vụ bắt buộc với tất cả những người làm nghiên cứu về tôn giáo. Tuy nhiên, tính chất mới mẻ của đối tượng buộc chúng tôi phải tiếp cận nó theo một hướng khác. Chúng tôi đề xuất đưa ra thảo luận việc xác định các vấn đề đang tồn tại của đối tượng.

Mặc dù, chúng tôi đã tiến hành rất nhiều nghiên cứu và đã nhìn từ góc độ lịch sử, câu hỏi về trạng thái của đối tượng vẫn tồn tại: Nó có phải là một tôn giáo không? Chủ nghĩa số hóa mang tính tôn giáo ở khía cạnh nào? Rõ ràng, ta không cần đánh giá tính chân thực của niềm tin cá nhân vào đối tượng, mà ta cần làm rõ phạm vi nghiên cứu và hệ quy chiếu theo phương pháp suy nghiệm, để xác định được điều gì thực sự mang tính tôn giáo và điều gì không [Lambert, 1991: 81]. Tóm lại, câu hỏi ở đây là chủ nghĩa số hóa có thể trở thành một đối tượng tôn giáo hợp pháp trong khoa học xã hội về tôn giáo hay không. Trong quá trình tìm hiểu, việc lựa chọn định nghĩa về tôn giáo chắc chắn sẽ có ý nghĩa quyết định. Và kết quả rất dễ đoán: dựa trên định nghĩa đã nêu, ta có thể tìm câu trả lời cho câu hỏi trên một cách hợp tình hợp lý là “có thể” lại vừa có thể lập luận là “không thể”. Dù kết quả ra sao - nó có là đối tượng tôn giáo hay là không, chúng ta cũng cần phải tự hỏi làm thế nào để có những bước tiến xa hơn trong vấn đề này? Thực tế, chúng ta đang tìm kiếm điều gì?

Nếu mục đích của chúng ta là để hiểu rõ về sự bùng nổ công nghệ kỹ thuật số, ta không nên đặt ra hai câu hỏi cùng một lúc. Câu hỏi đầu tiên là việc tìm hiểu về hiện tượng thông qua việc đọc thêm về khoa học xã hội về tôn giáo. Chúng ta có thể thấy hiện tượng này không chỉ xuất hiện trong bài diễn văn của những người ủng hộ tôn giáo Internet, mà còn được có trong các bài báo cáo về kỹ thuật số (những triển vọng và kỳ vọng) của một số đồng nghiệp của chúng tôi. Nhờ vào các bản phân tích cụ thể của nghiên cứu về tính tôn giáo, các đặc điểm và chức năng của hiện tượng này được hiện ra. Nói cách khác, đó là nhờ vào sự quan tâm đến các nghi lễ, thần thoại, tín

ngưỡng, cộng đồng và đặc biệt đến các quy định. Hơn nữa, chúng ta cũng có thể tin rằng, hướng đi này giúp chúng ta không phải đưa ra quan điểm về định nghĩa của tôn giáo. Tuy nhiên, đây là vấn đề mà chúng ta vẫn nhanh chóng phải đối mặt. Đó là, nếu phân tích chủ nghĩa số hóa về mặt tôn giáo, ta nên nói theo phong cách so sánh và ẩn dụ (nó *giống như* tôn giáo...) hay nói theo đúng “nghĩa đen” của tôn giáo (nó *chính là* tôn giáo...).

Về câu hỏi thứ hai, phải chăng chúng ta không nên xem chủ nghĩa số hóa là một biểu hiện của việc (tái) cấu hình tôn giáo đương đại? Nếu như vậy, ngay lập tức nó sẽ được coi là một “đối tượng tôn giáo” biểu hiện sự tái cấu trúc đang diễn ra. Sự tái cấu trúc kiểm nghiệm các lý thuyết và định nghĩa khác nhau về tôn giáo, từ sự thể tục hóa (Wilson, 1988) cho đến sự thay đổi đối tượng thiêng (déplacement du sacré) [Tessier, 1994]. Theo quan điểm này, ta sẽ phải đối đầu với những khó khăn giống nhau, có thể là chủ nghĩa giản lược hay chủ nghĩa thôn tính [Lambert, 1991]. Dù thế nào, vấn đề vẫn còn nguyên vẹn, dù không còn mới như trước, chẳng hạn việc tìm kiếm sự ủng hộ về quan điểm. David Pucheu cho rằng:

Chúng ta ít khi đặt câu hỏi về sự đảo ngược này. Nó được tiến hành mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XVIII, khi mà viễn cảnh tương tượng về công nghệ có vẻ đang dần lấn sang lĩnh vực dành riêng cho tôn giáo (sự cứu rỗi và sự cứu chuộc). Tuy nhiên, có một câu hỏi lớn được đặt ra: đó đơn giản là sự tương đồng về chức năng hay đó là sự tái cấu hình của biểu tượng tôn giáo? Nói một cách chính xác, sự đảo ngược này sẽ tạo thành sự đứt gãy hay trái lại, nó là sự tiếp nối liên tục? Sự tiếp nối này có mối liên hệ với sự tương tác giữa biểu tượng tôn giáo, những phát hiện và phát triển của tri thức khoa học kỹ thuật [Pucheu, 2009: 22].

Ít nhất, chúng tôi phải thừa nhận rằng nếu muốn tìm lời giải đáp cho hai câu hỏi này, cần thay đổi góc nhìn. Ta không còn phải bận tâm xem nó có mang tính tôn giáo hay không nữa mà ta cần hiểu cách xã hội của chúng ta tự tạo ra các biểu hiện mới để đảm bảo sự thống nhất trong xã hội. Chúng dựa trên những câu chuyện thần thoại nào? Chúng được phép hình thành những tín ngưỡng nào? Nghi thức nào cho phép hợp nhất các xã hội? Những lực lượng nào đảm bảo cho sự điều tiết xã hội?

Trước tiên phải nói rằng cách tiếp cận này sẽ công nhận tôn giáo là một “khía cạnh cấu thành lên đời sống xã hội” [Lemieux, 2000: 21]. Vì vậy, những câu hỏi chúng ta cần quan tâm ở đây không phải về vị trí của tôn giáo mà là vị trí của các vấn đề xã hội. Hầu như chúng ta không nhận ra sự cần thiết của việc giữ vững cách tiếp cận gần giống với Durkheim - biến tôn giáo thành một chức năng cần thiết, thành một “xã hội trong hình thái siêu xã hội” bởi vì “xã hội chỉ tạo ra một tôn giáo khi mà trải nghiệm tôn giáo cho phép nó tự hình thành” [Desroche, 1968: 61].

Vì vậy, ta có thể nhận định rằng bất kỳ xã hội nào cũng vẽ ra một “ảo tưởng cần thiết” giúp tạo ra một hệ quy chiếu chung. Đơn vị cấu thành nên một xã hội giả tưởng là “sự tương đồng với một thế giới - trong đó con người với cá tính của mình có thể tìm thấy một vị trí phù hợp (nghĩa là một vị trí khả thi, có thể tưởng tượng ra được)” [Lemieux, 1993: 35]. Do vậy, xã hội chính là thể chế của “một điều cốt lõi trong những ý nghĩa giả tưởng”. Nó xác định được điều gì thực sự tồn tại và điều gì không, cái nào hợp lệ và cái nào không [Castoriadis, 1975: 519]. Và điều chúng ta đang tiếp cận, về cơ bản, có thể coi là tôn giáo: đó là một loạt những điều đáng tin và có giá trị được tiếp nhận bằng trí tưởng tượng tập thể; trong đó, chủ nghĩa số hóa vừa là một trong những biểu hiện, vừa là một cách tiếp cận.

Do vậy, tôn giáo bắt nguồn từ niềm tin. Chúng ta chỉ cần giữ duy nhất một niềm tin là: sự khác biệt được hình thành trong sự tác động qua lại giữa những điều vượt khỏi sự xác minh, giữa những điều đáng tin và giữa những điều đã được thiết lập. Ta có thể nói rằng niềm tin không phải thứ quy định tôn giáo, mà điều quy định nó chính là: quá trình xác minh những điều đáng tin - điều mà một nền văn hóa và xã hội tạo ra niềm tin - từ đó thiết lập một trật tự bao gồm tất cả thực tế, một “vũ trụ” có khả năng “bảo đảm sự tồn tại bền vững khi đối mặt với hỗn loạn” [Berger, 1971: 94].

Nếu thông qua việc trao quyền cho giới chính trị, sự thể tục hóa có thể đảm bảo cho xã hội và văn hóa trở nên độc lập với uy quyền của tôn giáo, việc hình thành một vũ trụ thiêng có khả năng đảm bảo “sự tồn tại bền vững khi đối mặt với hỗn loạn” cũng không hẳn là quan điểm lỗi thời. Khả năng này vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, đây không còn là nhiệm vụ của một tôn giáo nữa mà phụ thuộc vào tính chất tôn giáo

[Gauthier, 2012; Gauthier, 2017]. Có lẽ chủ nghĩa số hóa không phải là một hệ thống với mục đích tạo ra một vũ trụ thiêng để đối mặt với những hỗn loạn?

Trên cơ sở của câu hỏi trên, chúng tôi vừa có thể tìm hiểu về các khảo sát thực nghiệm; vừa có thể tham gia thảo luận các nghiên cứu nhân học và xã hội học. Như vậy, chúng tôi có thể tự đặt câu hỏi: những công nghệ kỹ thuật số này có thể đáp ứng những điều đáng tin và có giá trị nào? Vì công nghệ này cho phép mỗi người xây dựng bản sắc cá nhân, đặc biệt nhờ vào việc “chia sẻ hình ảnh ảo càng thuận tiện tạo ra các bản thể mới của mình” và nó đảm bảo cho việc “trước khi cá nhân được xác nhận danh tính hoặc bị xử phạt, danh tính của họ sẽ phải xác định theo cách của Facebook trước” [Boukala, 2016: 211].

Nhìn theo góc độ tương tự, công nghệ kỹ thuật số cần phải tuân theo trật tự và nghi thức nào để chức năng của nó không phải để trao đổi thông tin, mà là cung cấp “một không gian giúp mọi người quen biết nhau và được người khác công nhận? Đặc biệt, nó là nơi chúng ta có thể “ở bên nhau”, tức là không chỉ đơn giản là nơi bắt đầu mối quan hệ với người khác, mà còn trở nên gắn kết hơn khi dành thời gian riêng cho nhau” [Pastinelli, 2006: 202]? Hơn nữa, liệu từ nay về sau kỹ thuật số có trở thành không gian chính, nơi có thể bao quát cả tầm nhìn về thế giới và những câu chuyện về thuyết mặt thể đã hình thành nên trí tưởng tượng đương đại? Ví dụ, trong tác phẩm của mình về trò chơi điện tử và những người nghiện kỹ thuật số, Olivier Servais đã chỉ ra rằng: người chơi rời bỏ thế giới game khiến họ say mê là để “cân bằng lại với thế giới thực họ từng vứt bỏ và không có mấy hy vọng”, và cũng bắt nguồn từ những “phê phán triệt để các quan điểm sống với ảo vọng xa vời trong thế giới ảo” [Servais, 2017: 56]. Với nỗ lực làm chủ dòng thời gian [Lachance, 2011], phải chăng kỹ thuật số đã hình thành một mối quan hệ khác với thời gian - mối quan hệ trong đó tôn giáo nắm quyền kiểm soát trong các xã hội truyền thống?

Từ một góc nhìn khác, chúng ta cũng có thể tìm cách nắm bắt những đặc điểm tương tự đang thống trị trí tưởng tượng đương thời dựa vào phản ứng của tính tôn giáo truyền thống, được gọi là “cuộc cách mạng kỹ thuật số”. Nếu Heidi Campbell đã trình bày rõ ràng cách thức các mô hình tường thuật của thuyết hậu nhân loại ảnh hưởng và quyết định đến việc “sáng tạo tôn giáo kỹ thuật số”

[Campbell, 2016], ta có thể đặt câu hỏi ngược lại, đâu là những yếu tố để tái tổ chức lại tôn giáo và lực lượng nào định hình lại cấu trúc của các tôn giáo truyền thống trước đây? Và chúng tôi vẫn có thể tiếp tục mở rộng các ví dụ và kế hoạch nghiên cứu.

Kết luận

Nghiên cứu về “chủ nghĩa số hóa” như một đối tượng tôn giáo khiến chúng tôi không chỉ đối mặt với một hình thức tôn giáo mới, mà còn với một hệ thống ý nghĩa mới giúp truyền tải “tính chất thiêng liêng” của sự độc đáo, sự tự chủ và tự do của cá nhân. Việc truyền tải này sẽ khả thi khi công nghệ kỹ thuật số không chỉ đơn thuần là một phương tiện giao tiếp mà còn là khuôn mẫu cho một mô hình quan hệ mới với thế giới và với những thứ khác. Một loại quan hệ được mọi người công nhận mà không cần phải cố bày tỏ đức tin vào Internet giống như Jim Gilliam. Chủ nghĩa số hóa phụ thuộc vào các động lực học (tiềm ẩn và tường minh) - điều đã giúp chúng tôi tiếp cận được những điều có giá trị và đáng tin trong một viễn cảnh giả tưởng về xã hội đương thời. Theo ý nghĩa này, chúng tôi cần dừng việc tìm kiếm sự tương đồng với những tôn giáo cũ và sẽ phù hợp hơn khi xem đây là một tôn giáo mới.

Khi gán cho chủ nghĩa số hóa đặc tính như vậy, chỉ có một mục đích: hiểu được “cuộc cách mạng kỹ thuật số” này cả về nguồn gốc, quy tắc và tác động của nó. Với cách tiếp cận như trên, buộc chúng tôi phải đặt chủ nghĩa số hóa vào góc nhìn toàn diện hơn: xét theo định nghĩa mà chúng tôi đã đưa ra, liệu nó có mang tính tôn giáo hay không, hay nó lại là một biểu hiện của thị trường? Trên thực tế, nếu xã hội không tưởng thực sự tồn tại trong thời đại phát triển của Internet, xã hội đó vẫn không nằm ngoài “mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ” [Srnicek, 2018]. Dựa theo tính chất thống trị của mô hình mang tính thương mại này, thị trường và nền kinh tế sẽ chiếm đoạt và chi phối xã hội siêu thực. Tóm lại, xét phản ứng về tính tôn giáo đặc trưng của kỹ thuật số, về chủ nghĩa số hóa như một đối tượng tôn giáo, chúng ta không thể bỏ qua các quy định về kinh tế.

Hơn nữa, chỉ cần chúng tôi nhận thấy rằng ta đang sống trong một xã hội mang tính thị trường và tiêu dùng, sẽ thật kỳ lạ nếu suy nghĩ về kỹ thuật số, chủ nghĩa số hóa và tôn giáo thoát ly khỏi “con đường mới của thế giới” này [Dardot và Laval, 2010]. Kiểu xã hội trên đã

vượt xa ra ngoài các cơ chế kinh tế nghiêm ngặt và khách quan để trở thành một phần của nền văn hóa thực sự. Nền văn hóa này không xa lạ gì với những thay đổi của tôn giáo - xã hội trong những thập kỷ gần đây [Gauthier và Martikainen, 2013a; Gauthier và Martikainen, 2013b]. Chúng tôi trích lại phán đoán theo trực giác của Raymond Lemieux dưới đây để nghiêm túc xem xét lại mối liên hệ giữa chủ nghĩa số hóa, tôn giáo và thị trường:

Có một trường hợp đặc biệt khi thị trường hình thành nên sự chiếm dụng văn hóa. Sự chiếm dụng này cung cấp vô số ý nghĩa, mỗi ý nghĩa đều có câu chuyện thần thoại và sự nhất quán riêng của chúng. Sự đa dạng này tạo nên tính hợp pháp của riêng nó, cho thấy hoạt động xã hội được quy định bởi quy luật duy nhất của thị trường. Quy luật này trở nên thiết yếu trong viễn cảnh giả tưởng mà nó thuộc về. Vì vậy, chúng ta bước vào một vòng xoáy không hồi kết với kỹ thuật số. Ngày nay, chức năng này được phát huy trong chủ nghĩa thể tục trên phạm vi toàn cầu khi nó không còn phụ thuộc vào các truyền thống tôn giáo xa lạ với quy tắc thị trường, mà phụ thuộc vào một nguyên tắc cố hữu. Đó là việc hợp pháp hóa sự tương thích của các hành vi bằng cách truyền tải những câu chuyện thần thoại của riêng nó [...] Như vậy, thị trường trở thành tôn giáo của riêng nó, là phương tiện truyền đạt câu chuyện thần thoại và tìm thấy bản chất trong hoạt động của chính mình. Do đó, bị loại khỏi lịch sử và xã hội (không nằm trong lịch sử và tranh luận xã hội), lý thuyết-học thuyết về thị trường được xem như một đáng sáng tạo thần thoại: nó tự đưa ra “những phương tiện truyền tải sự thật có thể kiểm chứng bằng thực nghiệm”. Nó chỉ coi những hành vi nào tuân theo luật lệ của mình mới hợp pháp. (tức là những điều nhất quán trong trí tưởng tượng thông thường) [Lemieux, 2000: 36].

Phải chăng chủ nghĩa số hóa chính là sự thiết lập hệ thống niềm tin mới bắt nguồn từ một thần thoại mới? Nó có phải là kết quả của câu chuyện thần thoại sáng lập trong xã hội tiêu dùng?.

Người dịch: Phạm Thị Phương Anh
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berger PL (1971) La religion dans la conscience moderne. Paris: Centurion.
2. Boukala M (2016) La mise en images de soi des jeunes montréalaises d'origine haïtienne. *Anthropologie et Sociétés* 40 (1): 193-218.
3. Breton P (2000) Le Culte de l'Internet. Une menace pour le lien social? Paris: La Découverte.
4. Bunt GR (2009) Decoding the Haji in cyberspace. Cambridge: Cambridge University Press.
5. Campbell H (2005) Exploring religious community online. New York: Peter Lang.
6. Campbell H (2010) Religious authority and the blogosphere, *Journal of Computer-Mediated Communication* 15(2): 251-276.
7. Campbell HA (2016) Framing the human-technology relation: How religious digital creatives engage posthuman narratives. *Social Compass* 63(3): 302-318.
8. Castells M (1998) La société en réseaux. Paris: Fayard.
9. Castoriadis C (1975) L'Institution imaginaire de la société: Paris: Éditions du Seuil.
10. Dardot P và Laval C (2010) La nouvelle raison du monde: essai sur la société néolibérale. Paris: La Découverte.
11. Desroche H (1968) Sociologies religieuses. Paris: Universitaires de France.
12. Doueïhi M (2011) Un humanisme numérique. *Communication & langages* (167): 3-15.
13. Doueïhi M (2013) Qu'est-ce-que le numérique? Paris: Presses Universitaires de France.
14. Douyère D (2015) De la mobilisation de la communication numérique par les religions. *Tic & société* 9(1/2). DOI: 10.4000 / ticetsociete. 1822.
15. Duteil-Ogata F, Jonveaux I, Kuczynski L, và al. (2015) Le religieux sur Internet, Paris: L'Harmattan.
16. Finkelkraut A và Soriano P (2001) Internet, l'inquiétante extase. Paris: Mille et une nuits.
17. Fischer H (2001) Le choc du numérique: essai. Montréal: VLB.
18. Fischer H (2014) La pensée magique du net. Paris: Éditions François Bourin.
19. Gauthier F và Martikainen T (2013a) Religion in consumer society. Brands, consumers and markets. Farnham, Surrey: Ashgate.
20. Gauthier F và Martikainen T (2013b) Religion in the neoliberal age: Political economy and modes of governance, Farnham, Surrey: Ashgate.

21. Gauthier F (2012) Primat de l'authenticité et besoin de reconnaissance. La société de consommation et la nouvelle régulation du religieux. *Studies in Religion/ Sciences Religieuses* 41(1): 93-111.
22. Gauthier F (2017) Religieux, religion, religiosité. *Revue du MAUSS* 49: 167-184.
23. Geraci RM (2016) A tale of two futures: Techno-eschatology in the US and India. *Social Compass* 63 (3): 319-334.
24. Gohier C (2008) La recherche théorique en sciences humaines: réflexions sur la validité d'énoncés théoriques en éducation. *Revue des sciences de l'éducation* 24 (2): 267-284.
25. Helland C (2015) *Virtual religion*. Oxford: Oxford University Press.
26. Howard RG (2011) *Digital Jesus*. New York: NYU Press.
27. Jonveaux I (2013) *Dieu en ligne, Expériences et pratiques religieuses sur Internet*. Paris: Bayard.
28. Kimura T (2017) Robotics and AI in the sociology of religion: A human in imago roboticae. *Social Compass* 64 (1): 6-22.
29. Lachance J (2011) *L'adolescence hypermoderne: le nouveau rapport au temps des jeunes*. Québec: Presses de l'Université Laval.
30. Lambert Y (1991) La "Tour de Babel": des définitions de la religion. *Social Compass* 38 (1): 73-85.
31. Lemieux R (1993) Comment croire est-il possible aujourd'hui? Imaginaire de la foi et foi en l'imaginaire. Dans: Ménard C và Villeneuve F (eds) *Pluralisme culturel et foi chrétienne*. Montréal: Fides, 31-68.
32. Lemieux R (2000) Sécularités religieuses. *Syndromes de la vie ordinaire. Cahiers de recherche sociologique* 33: 19-50.
33. Liogier R (2017) Convergence(s) et singularité(s): à propos des deux concepts clés de l'eschatologie transhumaniste, *Social Compass* 64(1): 23-41.
34. Martineau S, Simard D and Gauthier C (2001) Recherches théoriques et spéculatives: considérations méthodologiques et épistémologiques. *Recherches qualitatives* 22: 3-32.
35. Mayer J-F (2008) *Internet et religion*. Gollion: Infolio
36. Musso P (2006) *La religion du monde industriel: analyse de la pensée de Saint-Simon*. La Tour d'Aigues: Édition de l'Aube.
37. Musso P (2010) Le Web: nouveau territoire et vieux concepts. *Annales des Mines - Réalités industrielles* 4: 75-83.
38. Noble D (1999) *The religion of technology: The divinity of man and the spirit of invention*. New York: Penguin Books.

39. Pastinelli M (2006) Habiter le temps réel: ethnographie des modalités de l'«< être ensemble » dans l'espace électronique. *Anthropologie et Sociétés* 30(2): 199-217.
40. Personal Democracy Forum (2011) Jim Gilliam: The internet is my religion. Disponible à: www.youtube.com/watch?v=-4WKle-GQwk (consulté le 8 septembre 2018)
41. Pucheu D (2009) Religion et imaginaire technologique en Occident: continuité et rupture. In: Lakel A, Massit-Folléa F and Robert P (eds) *Imaginaire(s) des technologies d'information et de communication*. Paris: Éditions de la Maison des Sciences de l'Homme, 21-31.
42. Roy O (2000) La communauté virtuelle. L'internet et la déterritorialisation de l'islam. *Réseaux* 18:219-237.
43. Servais O (2017) L'eschatologie "no life". Incorporation et avatarisation d'érémisme digital. *Social Compass* 64(1): 42-59.
44. Shinal J (2017) Mark Zuckerberg: Facebook can play a role that churches and Little League once filled. CNBC. Disponible à : www.cnn.com/2017/06/26/mark-zuckerberg-compares-facebook-to-church-little-league.html (consulté le 8 septembre 2018).
45. Srnicek N (2018) Capitalisme de plateforme. L'hégémonie de l'économie numérique. Montréal : Lux Éditeur.
46. TEDx Talks (2013) What is the internet is God? Alexander Bard at TEDxStockholm. Disponible à: www.youtube.com/watch?v=tXA7TewF53w (consulté le 8 septembre 2018).
47. Tessier R (1994) Déplacements du sacré dans la société moderne: culture, politique, économie, écologie. Saint-Laurent: Éditions Bellarmin.
48. Van der Maren J-M (1995) Méthodes de recherche pour l'éducation. Montréal : Presses de l'Université de Montréal.
49. Wilson BR (1988) The functions of religion: A reappraisal. *Religion* 18(3): 199-216. Zuckerberg M (2017) Bringing the World Closer Together. Facebook. Disponible à: <https://www.facebook.com/notes/mark-zuckerberg/bringing-the-world-closer-together/10154944663901634> consulté le 1 mai 2020)

Abstract**LE NUMÉRISME: UN OBJET RELIGIEUX?
PROBLÉMATISATION ET NOTES THÉORIQUES****Jean-Philippe PERREAULT, Martin VAILLANCOURT***Université Laval, Canada***(Pham Thi Phuong Anh,***Institute for Religious Studies, VASS translation)*

For the most part, studies on the relationship between religion and digital can be grouped under the theme Digital Religion. Without being totally foreign to it, the phenomenon we are interested in here seems to be of a different order. Rather than ‘degitized religion’, we are confronted with what we might understand as a quest for digital meaning. Some authors who have described this technological religiosity argue that it serves to legitimize the belief in a new society. The study of what we have called ‘digitization’ would therefore be based on the sacralization of a set of techno-values, of which the internet would be both the tool of broadcast and the main symbolic object. If we recognize that religion has something to do with society’s idea of itself, we can ask ourselves whether the digital revolution, by generating a new type of society, does not contain a religious dimension.

Keywords: Digital religion, digitalism, religious imaginary, religious recomposition, technoreligiosity.